**TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ THƯỜNG KIỆT**

**PHIẾU ÔN TẬP TOÁN SỐ 1 – KHỐI 4**

 (Trong thời gian nghỉ phòng dịch Covid -19)

**Bài 1:** Viết số thích hợp vào chỗ chấm:

500 cm2 = … dm2 2000dm2 = … m2 25m2 25 cm2 = … cm2

70 000cm2 = … m2 180 000cm2 = …. m2 25 000 cm2 = …m2 … dm2
3m2 8dm2 = …. dm2 9 000 000m2 = … km2 3km2 407dm2 = …. …...m2

**Bài 2:** Điền dấu thích hợp ( >, <, =) vào chỗ chấm:

350 cm2 …. 3dm2 51cm2 2m2 22cm2 …. 20 022 cm2

…………………………………………… …………………………………………………

15m2 …. .15000cm22m2 22dm2 …. 222dm2 22cm2

…………………………………………… …………………………………………………

**Bài 3**: Tính

a) 1235 cm2 + 3402 cm2 = …………….b) 4923m2 – 2567 m2 = …………….

c) 742 dm2 x 50 = ……………. d) 6525 km2 : 5= …………….

**Bài 4:** Sắp xếp các số đo diện tích theo thứ tự từ bé đến lớn :

405 dm2 ; 4m2 50 dm2, 4500 cm2, 4m2 5 cm2

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

**Bài 5:** Khoanh tròn vào số đo chỉ diện tích thích hợp:

a) Diện tích của một thành phố lớn là : 9210 m2 ; 92100 dm2 ; 921 km2

b) Diện tích bìa quyển vở học sinh khoảng : 4 cm2 , 4 dm2, 4m2

**Bài 6:** Một khu đất hình bình hành có diện tích là 90m2, chiều cao là 6m. Tính độ dài cạnh đáy của khu đất ấy.

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

**Bài 7:** Hình bình hành ABCD có độ dài cạnh AB= 8cm, cạnh BC= 6cm và chiều cao bằng 5cm. Tính chu vi và diện tích hình ABCD

 A 8cm B

 5 cm 6cm

 C D

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

……………………………………………………………………………………………………………………………………………………..

**TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ THƯỜNG KIỆT**

**PHIẾU ÔN TẬP TIẾNG VIỆT SỐ 1 – KHỐI 4**

 (Trong thời gian nghỉ phòng dịch Covid -19)

**1. Chọn một từ láy thích hợp điền vào mỗi chỗ trống để hoàn thành câu văn sau:**

a. Nắp bút làm bằng sắt mạ vàng.............................

b. Ngòi bút trơn, chạy đều trên trang giấy làm cho nét chữ của em trở nên ..................................., đẹp hơn hẳn.

c. Trên nền sơn màu xanh sẫm là một hàng chữ mạ vàng tạo nét................................... cho chiếc bút.

**2. Em hãy viết một câu văn có tính từ được đảo lên trước kiểu như câu :**

"Phía trước mặt cặp, sáng long lanh một đôi khoá mạ kền"

*......................................................................................................................................................................................................................................................................................................*

**3. Em hãy hoàn thành câu có biện pháp so sánh sau:**

a. Thân bút là một ống nhựa màu đen, càng về phía sau càng thon lại như ..........................

.................................................................................................................................................

b. Mở nắp ra, hiện lên trước mắt em là một chiếc ngòi nhỏ xíu lấp lánh như .......................

................................................................................................................................................

c. Cuối bút chì gắn một viên tẩy nõn nà, ngon lành như một................................................

**4. Nội dung của đoạn văn dưới đây là gì?**

  *Chiếc bàn đó gắn bó với em suốt ba năm và bây giờ lại cùng em cần mẫn, miệt mài bên những bài toán khó, những đoạn văn hay, những truyện kể hấp dẫn, san sẻ cùng em những niềm vui trong học tập.*

a. Giới thiệu đồ vật b. Tả bao quát đồ vật

c. Tả từng bộ phận của đồ vật d. Nêu tình cảm, thái độ của người viết về đồ vật

**5. Phần gạch dưới dùng để chỉ bộ phận nào của cái cặp sách?**

 Đôi mắt sáng long lanh ấy luôn nhìn em âu yếm như muốn động viên, khuyến khích em vượt qua những bài tập hóc búa.

a) Quai cặp b) Khoá cặp c) Nắp cặp

**6. Đặt 3 câu nói về chủ đề học tập thuộc kiểu câu: Ai làm gì?**

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**7. Viết bài văn miêu tả chiếc bàn học ở nhà của em.**

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................

............................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

......................................................................................................................................................................................................................................................................................................

..................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................................

**TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ THƯỜNG KIỆT**

**PHIẾU ÔN TẬP TOÁN SỐ 2 – KHỐI 4**

 (Trong thời gian nghỉ phòng dịch Covid -19)

**I, Phần trắc nghiệm**: **Khoanh vào tr­ước câu trả lời đúng**.

**Câu 1:** Trong các số 14, 67, 345, 8674, số chia hết cho 5 là :

 A. 14 B. 67 C. 345 D. 8674

**Câu 2:** Trong các số 17, 144, 3435, 367, số chia hết cho 9 là:

 A. 17 B. 144 C. 3435 D. 367

**Câu 3:** Giá trị của biểu thức 355 x 84: 105 là:

 A. 248 B. 284 C. 29820 D. 29925

**Câu 4:** Số thích hợp để viết vào chỗ chấm để 4 phút 25 giây= ……..giây là:

 A. 425 B. 275 C. 265 D. 256

**II, Phần tự luận:**

**Câu 1. Viết số thích hợp vào chỗ chấm:**

a) Các số nhỏ hơn 20 và chia hết cho 2 là ………………………………. ..............................

b) Các số lớn hơn 20; nhỏ hơn 40 và chia hết cho 3 là: . .........................................................

c) Các số có ba chữ số nhỏ hơn 145 chia hết cho 5 là: ………………....................................

d) Các số có 3 chữ số nhỏ hơn 162 chia hết cho 9 là: ………………………………………

**Câu 2. Đúng ghi Đ, sai ghi S vào ô trống và cho ví dụ minh hoạ cho mỗi câu sau:**

a) Những số vừa chia hết cho 5 vừa chia hết cho 2 thì có tận cùng là 5.

VD: ………….......................................................................................................................

b) Những số chia hết cho 9 thì cũng chia hết cho 3.

VD: ………….......................................................................................................................

c) Những số chia hết cho 3 thì cũng chia hết cho 9.

VD: ………….......................................................................................................................

d) Những số chia hết cho 2 và chia hết cho 5 thì có tận cùng là 0.

VD: ………….......................................................................................................................

e) Những số không chia hết cho 9 vẫn có thể chia hết cho 3.

VD: ………….......................................................................................................................

**Câu 3:** Đặt tính rồi tính

3927 x 28 76350 : 75 10000 – 4852

213 x 109 19952 : 16 13398 : 58

**Câu 4:**  Tìm X

a, X x 5 x 20 = 2500 b, X : 70 = 1250 - 157

**Câu 5:**

1. Một mảnh v­ườn hình chữ nhật có chiều dài 180 m, chiều rộng bằng một nửa chiều dài. Tính chu vi và diện tích mảnh v­ườn?
2. Một hình chữ nhật có chu vi 128m, chiều dài hơn chiều rộng 8m. Tìm diện tích hình chữ nhật?

**Câu 6 :** Tổng số tuổi của hai bà cháu là 78 tuổi. Bà hơn cháu 68 tuổi. Tính :

a. Tuổi bà , tuổi cháu .

b. Tìm tuổi cháu cách đây 2 năm .

c. Tìm tuổi bà sau 4 năm nữa.

**Câu 7:**

1. Tìm hai số có tổng bằng 125, số lớn hơn số bé 37 đơn vị.
2. Tìm hai số có tổng là số lớn nhất có ba chữ số và hiệu là số lẻ bé nhất có 2 chữ số.

**Câu 8**: Lan có nhiều hơn Huệ 16 quyển sách, biết trung bình cộng số sách của hai bạn là 26 quyển. Hỏi mỗi bạn có bao nhiêu quyển sách?

**Câu 9**: An và Bình mua chung 45 quyển vở và trả hết số tiền là 720.000 đồng, An trả nhiều hơn Bình 112.000 đồng. Hỏi mỗi bạn mua bao nhiêu quyển vở?

**TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ THƯỜNG KIỆT**

**PHIẾU ÔN TẬP TIẾNG VIỆT SỐ 2 – KHỐI 4**

 (Trong thời gian nghỉ phòng dịch Covid -19)

1. **a. Ghi lại các danh từ, động từ, tính từ có trong câu vào bảng sau:**

Đến bây giờ Vân vẫn không quên được khuôn mặt hiền từ, mái túc bạc, đôi mắt đầy thương yêu và lo lắng của ông.

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| Danh từ | Động từ | Tính từ |
| ………………………….………………………….………………………….…………………………. | ………………………….………………………….………………………….…………………………. | ………………………….………………………….………………………….…………………………. |

**b. Gạch dưới từ đồng nghĩa với từ “*hiền”* trong câu trên và đặt câu với từ đó.**

 …..

**2**. **Ghi vào ô trống một câu tục ngữ có nội dung sau:**

|  |  |
| --- | --- |
| a. Khuyên người ta biết đoàn kết | ………………………………………….…………………………………………. |
| b. Khuyên người ta phải trung thực, thật thà | …………………………………………. …………………………………………. |
| c. Khuyên người ta phải có ý chí | …………………………………………. …………………………………………. |
| d. Khuyên người ta phải biết chọn bạn mà chơi | …………………………………………. …………………………………………. |

**3**. **Đặt câu hỏi với các mục đích sau và ghi lại:**

|  |  |
| --- | --- |
| Mục đích | Câu hỏi |
| a. Để khẳng định | …………………………………………….. |
| b. Để phủ định | …………………………………………….. |
| c. Để khen | …………………………………………….. |
| d. Để yêu cầu, đề nghị | …………………………………………….. |
| e. Để thay cho lời chào | …………………………………………….. |

**4. a. Viết đoạn văn kể về cảnh sinh hoạt của gia đình em sau bữa cơm chiều, sao cho trong đó có 4 câu kể *Ai làm gì?***

**b. Ghi lại bộ phận chủ ngữ và vị ngữ của 4 câu kể *Ai làm gì?* trong đoạn văn mà em vừa viết.**

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
|   | Bộ phận chủ ngữ | Bộ phận vị ngữ |
| Câu 1 | ……………… | …………………………………………………………… |
| Câu 2 | ……………… | …………………………………………………………… |
| Câu 3 | ……………… | …………………………………………………………… |
| Câu 4 | ……………… | …………………………………………………………… |

**5. Viết mở bài cho bài văn tả chiếc gọt bút chì của em.**

\* Theo cách mở bài trực tiếp:

\* Theo cách mở bài gián tiếp:

**TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ THƯỜNG KIỆT**

**PHIẾU ÔN TẬP TOÁN SỐ 3 – KHỐI 4**

 (Trong thời gian nghỉ phòng dịch Covid -19)

**Bài 1:** Hãy viết phân số chỉ phần đã tô đậm của hình dưới đây:

**Bài 2:** Viết theo mẫu : ***Mẫu : 4 : 5 =  ; 8 : 4 == 2 ; 5 = =***

 1 : 7 = 5 : 9 = 28 : 7 = 56 : 8 = 9 : 27 =

12 : 5 = 14 : 3 = 6 = 8 = 35 =

**Bài 3:**  Điền dấu (< ; > ; =) thích hợp

……1 …….1 1…….  …..1 ….. 2

 .... 2  …..2  …..1 2…… ..... 3

|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **Độ dài đáy** | **Chiều cao** | **Diện tích** |
| 8 cm |  | 136 cm2  |
|  | 7 cm | 84 cm2  |
| 14 m |  | 182 m2  |
| 13 dm | 17 dm |  |

**Bài 4:**  Viết số thích hợp vào bảng sau

**Bài 5:**  Đọc các phân số sau : 

**Bài 6:** a) Đọc các phân số có cùng mẫu số trong các phân số sau :

 

 b) Đọc các phân số có cùng tử số trong các phân số sau :

 

**Bài 7:** a) Viết th­ương của mỗi phép chia sau d­ưới dạng phân số:

 7 : 9 5 : 7 8 : 11 17 : 31

 b) Viết mỗi số tự nhiên dưới dạng phân số có mẫu số bằng 1:

 8; 17; 21; 65.

**Bài 8:**

a) Viết các phân số bé hơn 1và có mẫu số là 5, tử số khác 0.

b) Viết các phân số lớn hơn 1 và có tích của tử số và mẫu số là 24.

c) Viết phân số có tổng của tử số và mẫu số bằng 17, tử lớn hơn mẫu là 5.

**TRƯỜNG TIỂU HỌC LÝ THƯỜNG KIỆT**

**PHIẾU ÔN TẬP TIẾNG VIỆT SỐ 3 – KHỐI 4**

 (Trong thời gian nghỉ phòng dịch Covid -19)

|  |
| --- |
|  **BÀ CỤ BÁN HÀNG NƯỚC CHÈ**Gốc bàng to quá, có những cái mắt to hơn cái gáo dừa, có những cái lá to bằng mẹt bún của các bà vẫn bán bún ốc. Không biết cây bàng này năm chục tuổi, bảy chục tuổi hay cả một trăm tuổi. Nhiều người ngồi uống nước ở đây những lúc quán nước vắng khách đó ngắm kĩ gốc bàng, rồi lại ngắm sang phía bà cụ bán hàng nước. Bà cụ không biết bao nhiêu tuổi giời, không biết bao nhiêu tuổi lao động, bán quán được bao nhiêu năm. Chỉ thấy đầu bà cụ bạc trắng, trắng hơn cả cái mớ tóc giả của các diễn viên tuồng chèo vẫn đóng các vai bà cụ nhân đức. Ví dụ như thế, có lẽ cũng chưa được đúng lắm. Phải nói là bà cụ quán nước tóc bạc phơ phơ như một bà tiên hay hiện ra giúp các trẻ nghèo thì mới đúng. Đoán đúng được tuổi những bà tiên thật là khó. Và hỏi xem gốc bàng thân mật to lớn kia và bà tiên quán nước hiền hậu này, ai nhiều tuổi hơn ai, thì cũng không phải là một việc dễ,… Nhưng mà có lẽ cũng chả cần phải làm việc ấy. Có một điều dễ biết nhất và ai cũng phải thấy ngay: cả cái cây rợp bóng và cả bà cụ múc nước chè này đều là lành và tốt cả. Ngồi bên cái cây to và ngồi sát vào cái chõng tre bốc khói chè tươi, người làng đều thấy có được một sự yên tâm sau những giờ mệt nhọc ngoài đồng, ngoài bến, trong vườn, trong lò bát. NGUYỄN TUÂN  |

**1. Câu văn nào miêu tả cây bàng đã được trồng từ rất lâu ?**

a – Gốc bàng to quá, có những cái mắt to hơn cái gáo dừa, có những cái lá to bằng mẹt bún của các bà bán bún ốc.

b – Nhiều người ngồi uống nước ở đây những lúc quán nước vắng khách đã ngắm kĩ gốc bàng, rồi lại ngắm sang phía bà cụ bán hàng nước.

c – Có một điều dễ biết nhất và ai cũng phải thấy ngay : cả cái cây rợp bóng và cả bà cụ múc nước chè này đều là lành và tốt cả.

**2. Tác giả tập trung miêu tả nét gì nổi bật ở hình dáng của bà cụ bán hàng nước chè ?**

a – Đôi mắ b – Mái tóc. c – Khuôn mặt.

**3. Cách so sánh trong câu “*Phải nói là bà cụ quán nước tóc bạc phơ phơ như một bà tiên hay hiện ra giúp các trẻ nghèo thì mới đúng***.**” nói lên điều gì ?**

a – Bà cụ quán nước có mái tóc bạc phơ phơ như mái tóc của bà tiên.

b – Bà cụ quán nước có hình dáng đẹp như bà tiên trong truyện cổ tích.

c – Bà cụ quán nước có hình dáng đẹp và có lòng tốt như một bà tiên.

**4. Dòng nào dưới đây nêu đúng và đủ những điểm tương đồng giữa cây bàng và bà cụ ?**

a – Đều nhiều tuổi, to lớn, gắn bó với quán nước chè.

b – Đều nhiều tuổi, tốt lành, giúp ích cho mọi người.

c – Đều nhiều tuổi, hiền lành, được mọi người gần gũi.

**\* Làm Bài tập:**

**5. Điền vào chỗ trống** :

a) ***s*** hoặc ***x***

 Chiều ...au khu vườn nhỏ

Vòm lá rung tiếng đàn

Ca ...ĩ là chim ...ẻ

Khán giả là hoa vàng

Tất cả cùng hợp ...ướng

Những lời ca reo vang.

 (*Lê Minh Quốc*)

b) ***tr*** hoặc ***ch***

Có mắt mà …ẳng có tai

Thịt …ong thì …ắng, da ngoài thì xanh

Khi …ẻ ngủ ở …ên cành

Lúc già mở mắt hoá thành quả ngon ?

 (Là ……………..)

**6. Gạch dưới 3 câu kể *Ai làm gì ?* trong đoạn văn dưới đây, sau đó ghi lại bộ phận *chủ ngữ* của từng câu và cho biết *chủ ngữ* đó do** *danh từ* **hay** *cụm danh từ* **tạo thành** (điền vào chỗ trống trong ngoặc) :

Hồi nhỏ, Ngô Thì Sĩ rất thích học. Do nhà rất nghèo nên Sĩ không được đi học. Chỉ khi rỗi việc, Sĩ mới đến đứng ngoài phòng giảng sách để nghe lỏm. Các bạn trong lớp thường cho Sĩ mượn sách để chép bài vào buổi tối. Không có dầu thắp đèn, Sĩ phải đốt lửa để lấy ánh sáng mà học.

 (1)

 (***Chủ ngữ*** do ……………………. tạo thành).

 (2)

 (***Chủ ngữ*** do ……………………. tạo thành).

 (3)

 (***Chủ ngữ*** do ……………………. tạo thành).

**7. Đặt câu với một trong những thành ngữ : *tài cao đức trọng, tài cao học rộng, tài đức vẹn toàn.***

**8. Viết bài văn tả cái trống trường em**.